

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1933 /QĐ-ĐHSPHN2 ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Giáo dục học

Tiếng Anh: Education Studies

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)

Mã số: 8 14 01 01

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Giáo dục học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 2 năm

Vị trí việc làm: Giáo viên mầm non, cán bộ quản lý bậc học mầm non tại nhà trường và các địa phương, giảng viên các trường sư phạm đào tạo giáo viên mầm non, cán bộ nghiên cứu giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng tại các viện, trung tâm nghiên cứu.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: có thể học lên trình độ Tiến sĩ.

Thời điểm điều chỉnh chương trình đào tạo: 2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ thạc sĩ về Giáo dục mầm non theo định hướng nghiên cứu nhằm giúp học viên bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức về giáo dục học. Từ đó, người học có thể vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành; có khả năng dẫn dắt, quản lý về chuyên môn trong lĩnh vực được đào tạo; đồng thời có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu để đạt trình độ tiến sĩ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
M1	Phát triển các phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu và quản lý chuyên môn thuộc chuyên ngành Giáo dục mầm non
M2	Vận dụng tốt những năng lực chuyên môn bậc cao để tiến hành hiệu quả các hoạt động dạy học cũng như các hoạt động nghiên cứu: Năng lực tự chủ; Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực tư duy phản biện; Năng lực sáng tạo; Năng lực ngoại ngữ; Năng lực nghiên cứu.
M3	Vận dụng tốt những tri thức giáo dục mầm non hiện đại, chuyên sâu vào thực tiễn giáo dục mầm non tại trường mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; Có khả năng giảng dạy ngành giáo dục mầm non tại các

	trường CĐ, ĐH. Từ đó có khả năng dẫn dắt về chuyên môn được đào tạo và có khả năng cải tiến các hoạt động chuyên môn theo hướng cập nhật và hiện đại.
M4	Có năng lực nghiên cứu và vận dụng các tri thức liên ngành về triết học, giáo dục học, ngôn ngữ học, văn học Việt Nam, văn học nước ngoài,... trong hoạt động chuyên môn và thực tiễn nghề nghiệp.
M5	Có khả năng vận dụng tốt những tri thức giáo dục mầm non vào thực tiễn nghiên cứu giáo dục học, người học có thể trở thành chuyên gia về giáo dục mầm non và học lên trình độ Tiến sĩ về giáo dục mầm non.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành; Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
C3	Vận dụng được những tri thức giáo dục học hiện đại vào nghiên cứu và giảng dạy mầm non.
C4	Vận dụng được những phương pháp nghiên cứu giáo dục mầm non hiện đại vào nghiên cứu và giảng dạy mầm non
C5	Vận dụng được những tri thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục mầm non vào thiết kế, tổ chức, đánh giá các hoạt động dạy học mầm non tại các trường mầm non
C6	Vận dụng được một cách thành thục các mô hình, chương trình giáo dục mầm non tiên tiến; Có khả năng nghiên cứu phát triển chương trình giáo dục mầm non: xác định mục tiêu, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh thực hiện chương trình một cách linh hoạt, hiệu quả.
C7	Vận dụng được những tri thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục mầm non vào giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề phức tạp trong thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy mầm non; cải tiến các hoạt động chuyên môn theo hướng cập nhật, hiện đại. Từ đó có khả năng dẫn dắt về chuyên môn được đào tạo.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể				
	M1	M2	M3	M4	M5
C1		x			
C2	x	x		x	
C3		x	x	x	
C4		x			x
C5		x	x		
C6		x	x		x
C7				x	x

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Các môn chung	9
II	Các môn cơ sở	17
II.1.	Bắt buộc	8
II.2.	Tự chọn	9
III	Các môn chuyên ngành	24
III.1.	Bắt buộc	12
III.2.	Tự chọn	12
IV	Luận văn tốt nghiệp	10
TỔNG		60

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã tốt nghiệp đại học ngành đúng (*Giáo dục mầm non*), ngành gần với ngành đăng ký dự thi (*kết quả học của từng môn học bổ sung kiến thức đạt từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10*) như: *Tâm lý Giáo dục học, Giáo dục tiểu học, Giáo dục đặc biệt, GD công dân, GD thể chất, GD chính trị, SP Toán, SP Ngữ văn, SP Lý, SP Lịch sử, SP Tin học, ...*

Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ ứng với khóa học, năm học và học kì. Thời gian thiết kế cho một khóa đào tạo là 2 năm đối với đối tượng học viên có bằng tốt nghiệp đại học cùng ngành đào tạo hoặc gần ngành đào tạo. Thời gian tối đa hoàn thành một chương trình đào tạo (bao gồm cả thời gian nghỉ học tạm thời được quy định trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2) không vượt quá 4 năm. Khối

lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) và các điều kiện bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình, các điều kiện khác theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm tổng hợp đánh giá học phần. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Thang 10 điểm được sử dụng cho tất cả các hình thức đánh giá kết quả học tập trong học phần. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm tổng hợp đánh giá học phần từ 4,0 trở lên.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy:

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm số đã quy đổi theo thang điểm 4 của các học phần đã học từ đầu khóa học tới thời điểm được xem xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá luận văn thạc sĩ

1. Luận văn được đánh giá công khai bởi Hội đồng đánh giá luận văn. Nội dung đánh giá tập trung vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu của luận văn theo quy định; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn (tối đa 9 điểm) và điểm thành tích nghiên cứu (tối đa 1 điểm). Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
I	Các môn chung		9					
1	Triết học	PHIL502	4	42	36			120
2	Tiếng Anh	ENGL503	5	45	60			150
II	Các môn cơ sở		17					
II.1	Bắt buộc		8					
3	Phương pháp luận nghiên cứu giáo dục	EDUC511	3	30		30		90
4	Tâm lý học giáo dục	EDUC512	3	30		30		90
5	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên	EDUC513	2	15		30		90
II.2	Tự chọn (Chọn 3 học phần)		9					
6	Chuẩn giáo dục và Lý thuyết chương trình giáo dục	PRES521	3	30		30		90
7	Văn hóa nhà trường hiện đại	PRES522	3	30		30		90
8	Giáo dục so sánh	PRES523	3	30		30		90
9	Quản lý giáo dục và trường mầm non	PRES524	3	30		30		90
10	Đánh giá trẻ trong giáo dục mầm non	PRES525	3	30		30		90
11	Bối cảnh và chính sách trong mầm non	PRES526	3	30		30		90

III	Các môn chuyên ngành		21				
III.1	Bắt buộc		12				
12	Tâm lý học thần kinh trẻ em	PRES541	3	30		30	90
13	Các lý thuyết phát triển trẻ em	PRES542	3	30		30	90
14	Các mô hình chương trình giáo dục mầm non hiện đại	PRES543	3	30		30	90
15	Các hoạt động cơ bản và trò chơi của trẻ ở trường mầm non	PRES544	3	30		30	90
III.2	Tự chọn (Chọn 4 học phần)		12				
16	Giáo dục và phát triển ngôn ngữ cho trẻ	PRES551	3	30		30	90
17	Giáo dục thể chất ở trường mầm non	PRES552	3	30		30	90
18	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống ở trường mầm non	PRES553	3	30		30	90
19	Phát triển tư duy của trẻ qua hoạt động làm quen với toán và môi trường xung quanh	PRES554	3	30		30	90
20	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật	PRES555	3	30		30	90
21	Phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ mầm non	PRES556	3	30		30	90
22	Tổ chức môi trường hoạt động của trẻ ở trường MN	PRES557	3	30		30	90
23	Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu của trẻ	PRES558	3	30		30	90
24	Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt	PRES 559	3	30		30	90
25	Giáo dục STEAM trong trường mầm non	PRES560	3	30		30	90
IV	Luận văn tốt nghiệp		10				
TỔNG			60				

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra						
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7
PHIL502	T						
ENGL503		T					
EDUC511			T		T	T	T
EDUC512			T		T	T	T
EDUC513			T	T	T	T	T
PRES 521			T				T
PRES 522			T		T		
PRES 523				T			

PRES 524					U	TU	TU
PRES 525					T	TU	T
PRES 526			T	T	T	T	T
PRES 541			T	T	T	T	T
PRES 542			T	TU	TU	T	T
PRES 543	T						
PRES 544		T					
PRES 551			T		T	T	T
PRES 552			T		T	T	T
PRES 553			T	T	T	T	T
PRES 554			T				T
PRES 555			T	TU	TU	T	T
PRES 556			T	TU	TU	T	T
PRES 557			T	T	T	T	T
PRES 558			T	T	T	T	T
PRES 559			T	T	TU	T	T
PRES 560			T	TU	TU		

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học

Môn học dành cho đối tượng học viên sau đại học ngành Khoa học xã hội và nhân văn. Môn học được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1: Khái luận về triết học*) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận*); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người*)

8.2. Tiếng Anh

Môn học tiếng Anh trong chương trình đào tạo Thạc sĩ có khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B1 (tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) truyền đạt cho người học, cùng với quá trình rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ này.

8.3. Phương pháp luận nghiên cứu giáo dục

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu và quy trình tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục.

8.4. Tâm lý học giáo dục

Cơ sở Tâm lý học giáo dục (Fundamentals of Educational Psychology) gồm 03 tín chỉ là lĩnh vực học thuật nền tảng của Lý luận giáo dục hiện đại, giới thiệu những tiền đề khoa học, những lý thuyết khoa học trong tâm lý học về quá trình học tập ở con người, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Lý thuyết

tâm lý học giáo dục có nhiều dòng phái, bắt nguồn từ những ngành khoa học khác nhau và từ những tư tưởng, triết lý đa dạng. Song tất cả đều nhằm lý giải bản chất của việc học và của người học, mô tả quá trình học tập, đặc điểm của hoạt động học tập, qui luật của hành vi học tập và quan hệ của học tập với những điều kiện sinh học, tâm lý, văn hóa, xã hội v.v... và chỉ ra việc dạy học và giáo dục phải như thế nào thì thích hợp với bản chất tâm lý của người học và việc học.

Các nghiên cứu giáo dục thường dẫn đến những lý thuyết, mô hình, quan niệm và những công cụ phát triển giảng dạy như chương trình, phương pháp, phương tiện, kĩ thuật dạy học, học liệu, môi trường, kết quả học tập và sự phát triển của người học trong dạy học, đào tạo và giáo dục

8.5. Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên

Cung cấp những kiến thức, phương pháp tư duy và hành động về phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên, đáp ứng những đổi mới của giáo dục nhà trường theo tiếp cận năng lực.

8.6. Chuẩn giáo dục và lý thuyết chương trình giáo dục

Học phần **Chuẩn giáo dục và lý thuyết chương trình giáo dục** là lĩnh vực học thuật nền tảng của Lý luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiên đề khoa học, những lý thuyết khoa học về chuẩn giáo dục và chương trình giáo dục nói chung, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Nội dung học phần bao gồm 2 phần chủ yếu:

1. Lý luận về chuẩn và chuẩn giáo dục
2. Lý luận về chương trình giáo dục

Đó là hai vấn đề luôn gắn chặt với nhau trong phát triển chương trình, quản lý chương trình, hoạt động dạy học của nhà trường. Chương trình giáo dục cần được quản lý và phát triển dựa vào chuẩn giáo dục quốc gia. Ngược lại các chuẩn giáo dục hiện đại thường được phát triển theo tiếp cận năng lực và dựa vào những kĩ thuật nhất định. Những chuẩn không có căn cứ lý thuyết rõ ràng và không đảm bảo tính năng kĩ thuật sẽ gây rất nhiều khó khăn trong quá trình chuẩn hóa giáo dục và quản lý giáo dục vì mang tính tự phát, kinh nghiệm chủ nghĩa. Chuẩn và chương trình giáo dục có một chức năng chuyên môn chung là công cụ quản lý giáo dục trong đó chuẩn là công cụ vĩ mô cấp quốc gia.

Chuẩn giáo dục và Lý thuyết chương trình giáo dục là học phần tự chọn bắt buộc chính thức trong chương trình đào tạo sau đại học của các chuyên ngành Khoa học giáo dục gồm Quản lý giáo dục, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non. Tài liệu môn học bao gồm 4 Chương phản ánh những vấn đề lý luận cơ bản về chuẩn và chương trình giáo dục.

- Chương 1. Quan niệm chuẩn trong giáo dục
- Chương 2. Phát triển và áp dụng chuẩn trong giáo dục
- Chương 3. Quan niệm chương trình giáo dục
- Chương 4. Lý thuyết chương trình giáo dục

8.7. Văn hoá nhà trường hiện đại

Cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường, vai trò của người lãnh đạo, người quản lý trong

việc xây dựng văn hóa nhà trường.

8.8. Giáo dục so sánh

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về quá trình hình thành và phát triển, khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của giáo dục so sánh; Các nguyên tắc, cách tiếp cận và các kỹ thuật so sánh giáo dục.

8.9. Quản lý giáo dục và trường mầm non

Học phần bao gồm các tri thức cơ bản về:

- Những phạm trù cơ bản của quản lý giáo dục mầm non
- Các khái niệm và phạm trù của KHQLGD
- Tổ chức giáo dục và cán bộ quản lý giáo dục
- Quan điểm, quan hệ và chức năng, nguyên tắc, phương pháp QLGD.
- Những gợi ý vận dụng luật, chính sách và các văn bản qui định về giáo dục mầm

non nói chung và quản lý trường mầm non nói riêng

8.10. Đánh giá trẻ trong giáo dục mầm non

Môn học giúp người học có nhận thức chung về đánh giá giáo dục, lý thuyết, kỹ thuật và kỹ năng thiết kế, sử dụng các phương pháp và kỹ thuật để đo lường và đánh giá sự phát triển của trẻ, hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục, năng lực nghề nghiệp của giáo viên, nhà quản lý giáo dục mầm non cũng như các phương tiện và học liệu được sử dụng trong GDMN.

8.11. Bối cảnh và chính sách trong giáo dục mầm non

Môn học xem xét các tác động nổi bật trong bối cảnh phát triển giáo dục mầm non hiện nay ở nước ta so với các thập kỷ trước đây, bản chất sự thay đổi, các ưu điểm, những thách thức đối với sự nghiệp giáo dục mầm non. Môn học cũng đề cập đến quan niệm khoa học về chính sách và phát triển chính sách, những khía cạnh chủ yếu trong chính sách giáo dục mầm non, những điểm thích hợp và chưa thích hợp của chính sách với thực tiễn giáo dục.

8.12. Tâm lý học thần kinh trẻ em

Tâm lý học thần kinh trẻ em là môn học nghiên cứu quy luật tâm lý của hoạt động thần kinh cấp cao ở trẻ em lứa tuổi mầm non (từ 1 đến 6 tuổi) bao gồm các tri thức cơ bản về cơ sở tâm lý học thần kinh và ứng dụng của nó trong lĩnh vực giáo dục trẻ mầm non. Nội dung của học phần này giúp học viên cao học hiểu được một cách khá chi tiết về các phương pháp nghiên cứu tâm lý học hoạt động thần kinh cấp cao, sự tiến hoá, đặc điểm cấu trúc và chức năng của não người, đặc biệt là bán cầu đại não và những chức năng tâm lý của tổ chức và hoạt động thần kinh. Qua đó giúp cho người học có thể vận dụng lý luận khoa học thần kinh trong việc nuôi, dạy trẻ hiệu quả và nghiên cứu trẻ, giúp trẻ có thể phát triển toàn diện và trở thành những con người thông minh.

8.13. Các lý thuyết phát triển trẻ em

Đào tạo lý luận cơ bản về sự phát triển của trẻ em; bao gồm các triết lý và lý thuyết chủ yếu chỉ ra bản chất sự phát triển thể chất-vận động, tâm lý và xã hội của trẻ. Nội dung Học phần bao gồm các chủ đề Lịch sử tư tưởng trước thế kỷ 20 về sự phát triển trẻ em, Các lý thuyết phát triển nhận thức, Các lý thuyết phát triển xã hội, Các lý thuyết phát triển ngôn ngữ, Các lý thuyết phát triển thể chất, Các lý thuyết phát triển giá trị thông qua các triết lý

nổi bật như Phân tâm luận, Hành vi luận, Nhận thức luận, và một số học thuyết khác về tương tác văn hóa xã hội, hoạt động và giao tiếp..

8.14. Các mô hình chương trình giáo dục mầm non

Học phần này giúp học viên hiểu cơ sở khoa học của chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non, những triết lý và lý thuyết chủ yếu về chương trình, những cách tiếp cận và kỹ thuật phát triển chương trình giáo dục mầm non dựa vào chuẩn

8.15. Các hoạt động cơ bản và trò chơi của trẻ ở trường mầm non

Học phần giúp người học hiểu rõ trên cơ sở khoa học bản chất, hình thức và những đặc điểm sư phạm của các dạng hoạt động cơ bản của trẻ ở trường mầm non, trong đó có hoạt động chơi là chủ đạo. Ngoài ra người học cũng có cơ hội nắm được lý thuyết hoạt động chơi và lý thuyết trò chơi từ góc độ giáo dục, vai trò của chơi và trò chơi trong các hình thức hoạt động giáo dục ở nhà trường, các phương pháp và kỹ thuật tổ chức hoạt động của trẻ

8.16. Giáo dục và phát triển ngôn ngữ cho trẻ

Cung cấp cho học viên: Những lý luận chung về dạy tiếng mẹ đẻ; những qui luật tiếp nhận tiếng mẹ đẻ của trẻ mầm non, các phương pháp và biện pháp phát triển tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non, đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.

8.17. Giáo dục thể chất ở trường mầm non

Học phần bao gồm các loại kiến thức sau:

- Kiến thức về phương pháp giáo dục thể chất với đối tượng là trẻ mầm non
- Nguyên tắc tiến hành các phương pháp giáo dục thể chất
- Phương pháp dạy học động tác
- Phương pháp dạy học các tổ chất thể lực

8.18. Giáo dục giá trị và kỹ năng sống ở trường mầm non

Học phần này đề cập đến các vấn đề: Lý luận về giá trị và mục tiêu giáo dục giá trị ở trường mầm non, Phương pháp và biện pháp giáo dục đạo đức ở trường mầm non, Phương pháp và biện pháp giáo dục thẩm mỹ ở trường mầm non, Phương pháp và biện pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống ở trường mầm non, Phương pháp và biện pháp giáo dục kỹ năng xã hội và hành vi văn hóa ở trường mầm non.

8.19. Phát triển tư duy của trẻ qua hoạt động làm quen với toán và môi trường xung quanh

Học phần đề cập đến các vấn đề như: Khái niệm tư duy, Sự phát triển tư duy ở lứa tuổi mầm non, các thuyết về sự phát triển tư duy, Sự phát triển tư duy ở lứa tuổi mầm non trong quá trình hình thành biểu tượng và các khái niệm thường thức (toán và môi trường xung quanh (các luận điểm của J.Piaget, P.Ia.Galperin, N.A.Paddiacop...); Phương pháp phát triển tư duy trong lĩnh vực nhận thức các thuộc tính mang tính toán học và thế giới xung quanh.

8.20. Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật

Môn học bao gồm các nội dung cơ bản về sáng tạo nói chung: khái niệm, đặc điểm, cấu trúc, cấp độ... và những đặc điểm, điều kiện và các phương pháp phát triển những biểu hiện sáng tạo của trẻ mầm non. Đồng thời hướng dẫn sử dụng một số test và bài tập đánh giá biểu hiện sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật.

8.21. Phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ mầm non

Trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu về hoạt động giao tiếp, chuyên đề cung cấp những hiểu biết về các kỹ năng giao tiếp, các phương pháp phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ mầm non, cách tạo nhu cầu giao tiếp ở trẻ, đồng thời hướng dẫn học viên cách thức tổ chức môi trường giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ.

8.22. Tổ chức môi trường hoạt động của trẻ ở trường mầm non

Cơ sở lý luận của việc xây dựng và tổ chức MTHĐ cho trẻ trong trường MN: khái niệm MTHĐ của trẻ trong trường MN; các quan điểm về chức năng và việc tổ chức MTHĐ trong trường MN (Các yêu cầu đối với việc lựa chọn và khai thác những yếu tố tự nhiên, văn hóa- XH nhằm nâng cao giá trị của MTHĐ trong các mục tiêu phát triển trẻ MN; Các yêu cầu đối với việc bố trí khu vực HĐ cho trẻ trong lớp và ngoài sân; Các yêu cầu đối với việc chọn lựa và sắp xếp đồ dùng đồ chơi trong từng khu vực HĐ)

-Việc thực hành xây dựng và tổ chức MTHĐ cho trẻ MN:

Xem xét các mục tiêu HĐ; vận dụng cơ sở lý luận để thực hành xây dựng và tổ chức MTHĐ cho trẻ MN (theo các mục tiêu HĐ này).

-Việc sử dụng MTHĐ và khai thác các cơ hội tương tác giữa trẻ với MT này:

a/ Chuẩn bị:

Hướng dẫn cho trẻ một số kiến thức/ kỹ năng cần bản cần thiết cho HĐ trong MT đã tổ chức sẵn;

Lập kế hoạch sử dụng MTHĐ này (tổ chức các các cơ hội tương tác giữa trẻ- MTHĐ).

b/ Điều chỉnh MTHĐ đang có sẵn cho phù hợp với kế hoạch sử dụng nó.

c/ Sử dụng MTHĐ :

Trẻ HĐ tự do, có thể thử- sai, hoặc nhận một số gợi ý của GV nhằm khai thác các cơ hội tương tác giữa trẻ và MT; trẻ có thể được HĐ dưới các hình thức: HĐ cá nhân- nhóm- tập thể ở trong lớp hoặc trên sân.

-Việc đánh giá một MTHĐ của trẻ trong trường MN dựa trên các mục tiêu GD cho sẵn (các nguyên tắc - các tiêu chí và cách đánh giá; việc thực hành đánh giá)..

8.23. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu của trẻ

Học phần này nằm trong hệ thống tự chọn dành cho vấn đề phát hiện và giáo dục trẻ em có năng khiếu về các mặt văn chương, nghệ thuật, trí tuệ toán học, khoa học, xã hội, ngôn ngữ và vận động. Những vấn đề cụ thể bao gồm 2 nhóm: phát hiện trẻ năng khiếu ở lứa tuổi mẫu giáo, và quan niệm, biện pháp, kỹ thuật bồi dưỡng năng khiếu của các cháu tại nhà trường.

8.24. Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt

Trên nền tảng kiến thức về giáo dục học đại cương và giáo dục học Mầm non ở đại học, học phần sẽ cung cấp cho học viên những hiểu biết chung về mô hình giáo dục dành cho những trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Đồng thời, học viên có những hiểu biết về công tác tổ chức chăm sóc, giáo dục, quản lý lớp học trẻ em có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non hòa

8.25. Giáo dục STEAM trong trường mầm non

Giáo dục STEAM trong trường mầm non là học phần hướng dẫn học viên nghiên cứu cơ sở lý luận và vấn đề thực tiễn liên quan đến giáo dục STEAM trong trường mầm non hiện nay. Thông qua tìm hiểu các nội dung của học phần, học viên hiểu rõ cơ sở khoa học của giáo dục STEAM, nguyên tắc giáo dục STEAM cho trẻ; Mục tiêu, nội dung bài học STEAM cho trẻ; cách thiết kế, tổ chức, đánh giá bài học STEAM theo chủ đề trong chương trình giáo dục mầm non. Ngoài ra, học viên được rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức bài học STEAM trong trường mầm non.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nhà trường

- Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức, quản lý quá trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.2. Phòng Đào tạo

- Làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ của Trường về đào tạo;

- Phối hợp với Khoa và Tổ chuyên môn để tổ chức và quản lý việc đào tạo theo đúng Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường.

9.3. Khoa Giáo dục mầm non

- Xây dựng và định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Tiếp nhận và quản lý học viên trong suốt quá trình đào tạo;

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

9.4. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia các hoạt động rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

9.5. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

- Phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Huy